

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2025/DS-ST**

Ngày: 01 -8- 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Đào;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam (cũ), Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-DS ngày 30/6/2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 90/TB-TA ngày 07/7/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T(TPBank).

Địa chỉ: số 57 phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Việt C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Khách hàng cá nhân.

(Theo Giấy ủy quyền số 05/2025/GUQ-TPB.HĐQT ngày 10/01/2025).

Ông Đinh Việt C ủy quyền cho bà Nguyễn Thúy T, sinh năm 2001, địa chỉ: số 460, đường Nguyễn Hữu T, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (nay là phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng) tham gia tố tụng. Có mặt.

Bị đơn: anh **Nguyễn Quốc D**, sinh năm: 1999; địa chỉ: thôn C, xã T (xã

T), huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn C, xã S, thành phố Đà Nẵng). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: ông Nguyễn Quốc D đã đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (gọi tắt là TPBank) phát hành thẻ tín dụng thông qua ký kết Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank kèm Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 04/03/2024.

Căn cứ đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank nêu trên, TPBank đã đồng ý phát hành cho ông Nguyễn Quốc D 01 Thẻ tín dụng TPBank Visa Signature kim loại, số thẻ: 401286xxxxxx9240, hạn mức thẻ tín dụng 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng*). Số tiền giải ngân: khách hàng đã sử dụng/tiêu dùng trên toàn bộ hạn mức được cấp.

Trong quá trình trả nợ, ông Nguyễn Quốc D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho TPBank. TPBank đã làm việc, gửi thông báo nhắc nợ nhưng không nhận được sự hợp tác trả nợ từ ông Nguyễn Quốc D.

Tính đến ngày 11/7/2025, ông Nguyễn Quốc D còn nợ TPBank số tiền 451.155.211 đồng (*Bốn trăm năm mươi một triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm mười một đồng*), trong đó:

- Nợ gốc thẻ: 198.029.500 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 55.863.443 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 79.095.912 đồng
- Nợ lãi chậm trả: 115.166.356 đồng
- Nợ phí thường niên: 3.000.000 đồng

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa xem xét và giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Quốc D thanh toán ngay cho TPBank tổng số tiền tạm tính đến kỳ sao kê tháng 11/2025 (*ngày sao kê 11/02/2025*) là: 451.155.211 đồng (*Bốn trăm năm mươi một triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm mười một đồng*).

Buộc ông Nguyễn Quốc D phải thanh toán các khoản phát sinh (*Lãi/lãi phí/phí phạt*) trên tổng số tiền chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và các văn bản kèm theo kể từ ngày 11/7/2025 cho đến khi thanh toán hết nghĩa vụ cho TPBank.

Theo hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Quốc D trình bày: ông thừa nhận có mở thẻ tín dụng của Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần T như nguyên đơn đã trình bày. Trong quá trình vay do việc làm ăn gặp nhiều khó khăn nên chưa trả được nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện, ông mong Ngân hàng TPBank tạo điều kiện về thời gian để ông để ông tìm cách giải quyết trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank kiêm Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 04/03/2024. Thực hiện hợp đồng, bên vay không thanh toán đúng như thỏa thuận, do vậy bên cho vay là khởi kiện, yêu cầu bên vay trả các khoản nợ theo hợp đồng là đảm bảo quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện. Bị đơn trong quá trình xác lập hợp đồng với nguyên đơn thể hiện nơi cư trú tại thôn C, xã T (xã T), huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn C, xã S, thành phố Đà Nẵng) nhưng hiện tại không có mặt tại địa phương, không thông báo thay đổi nơi cư trú mới cho nguyên đơn là trường hợp cố tình giấu địa chỉ; Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng) thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bị đơn đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì thấy: Nguyễn Quốc D có ký Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 04/03/2024 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. TPBank đã đồng ý phát hành cho ông Nguyễn Quốc D 01 Thẻ tín dụng TPBank Visa Signature kim loại, số thẻ: 401286xxxxxx9240, hạn mức thẻ tín dụng 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng*). Nguyễn Quốc D đã nhận số tiền này.

Nguyễn Quốc D thừa nhận có ký Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 04/03/2024 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong; trong quá trình thực hiện hợp đồng, do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa trả nợ được cho nguyên đơn.

Số tiền ông Nguyễn Quốc D còn nợ tính đến ngày 11/7/2025 là 451.155.211 đồng (*Bốn trăm năm mươi một triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm mười một đồng*).

Đối chiếu hình thức, nội dung và quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản

giữa hai bên với quy định tại Điều 401, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tươi ông Nguyễn Quốc D đảm bảo các điều kiện của pháp luật về hình thức, nội dung và điều kiện có hiệu lực pháp luật của hợp đồng vay tài sản; bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 6 của điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế TPBank. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Quốc D thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tổng số tiền 451.155.211 (*Bốn trăm năm mươi một triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm mười một*) đồng.

Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế TPBank kèm theo đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank kèm hợp đồng sử dụng thẻ không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả. Do vậy việc xem xét nghĩa vụ chậm trả tiền trong quá trình thi hành án sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành.

Về án phí sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào các Điều 401, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tươi về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”; buộc ông Nguyễn Quốc D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tổng số tiền tính đến ngày 11/7/2025 là **451.155.211** đồng (*Bốn trăm năm mươi một triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm mười một đồng*) theo Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 04/03/2024 và theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Quốc D tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tươi theo mức lãi suất tại đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank kèm hợp đồng sử dụng thẻ lập ngày 04/3/2025 đối với khoản gốc sau ngày 11 tháng 7 năm 2025 đến khi trả xong.

[2]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc D phải chịu là **22.557.000** (*Hai mươi hai triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn*) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là **7.288.000** (*Bảy triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn*) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005980 ngày 09/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước (nay là Thi hành án khu vực 7 – Đà Nẵng).

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/8/2025), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7 – Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Thị Thanh Tuyên